

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DSST

Ngày 30/12/2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức P; ông Bùi Quang H.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị C- Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST- DS, ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- DS, ngày 30/11/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thúy T, sinh năm 1959, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Phố M, huyện Q, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, có mặt; Địa chỉ: Phòng 334, Tòa nhà HH1A, phường L, quận H, thành phố H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ: Số 278, đường N, khu 1, phường T, thành phố B, tỉnh B.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Số nhà 265, đường L, khu 6, phường T, thành phố B, tỉnh B, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2021, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn trình bày: Bà Ngô Thúy T và chị Nguyễn Thị L có mối quan hệ làm ăn với nhau. Bà T đã nhiều lần cho chị L vay tiền với tổng số tiền là 1.180.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 18/11/2020 bà T cho chị L vay 500.000.000 đồng với mục đích mua đất, xây nhà và sửa chữa nội thất. Khi cho vay, bà T có yêu cầu chị L viết giấy nhận vay tiền với số tiền 500.000.000 đồng, vay trong thời hạn từ 18/11/2020 đến 18/01/2021. Hai bên không thỏa thuận lãi suất cho vay. Ngày 22/11/2020 bà T cho chị L vay 680.000.000 đồng, hai bên viết "giấy nhận vay tiền",

thời gian vay từ 22/11/2020 đến 22/01/2021, không thỏa thuận lãi suất cho vay. Trong 02 "giấy nhận vay tiền" đều có chữ ký và cam kết của vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Nguyễn Thị L (chị L là chị ruột của chị L) với tư cách là bên bảo lãnh cho chị L. Anh T, chị L cam kết nếu chị L không trả được số tiền vay nợ thì anh T, chị L sẽ có trách nhiệm trả thay.

Khi hết thời hạn vay, bà T đã nhiều lần yêu cầu chị L thanh toán số tiền trên nhưng chị L không trả trong khi chị L có điều kiện trả. Chị L và anh T không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh, không thanh toán số tiền trên cho chị L. Ngày 28/12/2020 tại trụ sở Công an phường T, thành phố B, chị L đã viết "bản cam kết" thừa nhận có vay của bà T số tiền 1.180.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả cho bà 50.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng, tính từ ngày 30/01/2021, nhưng chị L không thực hiện đúng cam kết nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả bà số tiền 1.180.000.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, hai bên thống nhất chị L trả tiền cho bà T bằng việc trả hàng độm, chẵn quy ra thành tiền tổng số tiền đã trả được là 925.000.000 đồng do bà Đỗ Thị T nhận hàng đã trừ vào tiền chị L nợ bà T. Nay chị L còn nợ bà T 255.000.000 đồng. Do vậy bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị chị L phải trả cho bà số tiền 255.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lần làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị có quan hệ buôn bán với vợ chồng chị Đỗ Thị T ở thị trấn Phố M, huyện Q, tỉnh B. Cuối năm 2019 chị có vay của chị T số tiền 2.000.000.000 đồng. Số tiền này, chị T có nói với chị là tiền chị T vay của bà T rồi cho chị vay lại. Đến tháng 11/2020 chị trả cho chị T được 1.000.000.000 đồng. Hai bên chốt số tiền còn nợ là 1.180.000.000 đồng. Thời điểm sau đó do gặp khó khăn nên chị có thỏa thuận với chị T và bà T cho chị trả nợ dần. Để đảm bảo, chị T có yêu cầu chị đưa đến nhà anh T, chị L (chị gái chị) để chị L và anh T ký vào "giấy nhận vay tiền". Do lo sợ cho chị nên anh T, chị L đã ký vào giấy tờ chị T đưa mà không biết nội dung trong đó ghi gì. Sau khi chốt nợ xong, chị trả được thêm 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.160.000.000 đồng. Nay chị thừa nhận có vay tiền của bà T thể hiện qua 02 giấy vay tiền ngày 18/11/2020 vay 500.000.000 đồng và 22/11/2020 vay 680.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 1.180.000.000 đồng. Khi vay chị có ký vào giấy vay tiền và có anh T, chị L ký cùng với tư cách người bảo lãnh, trong trường hợp chị không trả được tiền thì anh T, chị L sẽ trả thay chị. Số tiền trên chị vay với tư cách cá nhân để làm ăn, không liên quan đến chồng chị. Chồng chị và chị đã ly hôn từ năm 2020.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị đã trả được cho bà T số tiền 925.000.000 đồng thông qua việc chị trả hàng do chị Đỗ Thị T nhận và trừ vào số tiền nợ bà T. Đến nay chị và bà T thống nhất số tiền chị còn nợ bà T là 255.000.000 đồng. Do làm ăn khó khăn, chị xin trả dần tiền gốc, theo 02 phương án:

Phương án 1: Vào ngày 20 mỗi tháng chị trả cho bà T 30.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong, trả trong 08 tháng kể từ ngày 20/12/2021.

Phương án 2: Chị trả 100% bằng hàng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 20/11/2021. Tuy nhiên bà T không đồng ý, yêu cầu chị thanh toán trả một lần hết số tiền nợ 255.000.000đồng nên chị không thể trả được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Nhật T, chị Nguyễn Thị L trình bày: Anh chị có ký vào "giấy nhận vay tiền" của chị L với bà T với tư cách người bảo lãnh cho chị L để chị L giãn nợ và có thời gian thu xếp trả tiền cho bà T. Chị L có nợ tiền của bà T, được biết quá trình thụ lý giải quyết tại Tòa án, chị L đang trả dần, nay còn nợ 255.000.000 đồng. Chị L có trách nhiệm trả nốt cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu cả ba người là chị L và vợ chồng anh chị phải có trách nhiệm cùng trả số tiền 255.000.000 đồng. Quan điểm của vợ chồng anh chị là ủy quyền hết cho chị L và chị L có trách nhiệm phải trả cho bà T nốt số tiền còn nợ trên. Anh T, chị L đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử.

Tòa án đã gửi giấy báo chị Đỗ Thị T đến Tòa án làm việc nhưng chị T vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa nên Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Nhật T cùng có nghĩa vụ trả số tiền hiện còn nợ là 255.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 1.180.000.000đồng tính từ ngày 18/11/2020 theo lãi suất 7,5%/năm x 13 tháng = 94.900.000đồng (nguyên đơn tính 7.000.000đồng tiền lãi/tháng). Tổng cả gốc và lãi là 349.000.000đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đồng ý trả số tiền còn nợ 255.000.000đồng cho bà T. Chị không đồng ý trả lãi trên số tiền 1.180.000 đồng vì thực tế sau khi bà T khởi kiện tại Tòa án, chị L đã thu xếp trả dần được 925.000.000 đồng, chị cũng không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn buộc cả chị L, anh T trả nợ cùng chị. Số tiền 255.000.000 đồng một mình chị sẽ có trách nhiệm trả bà T.

Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Nhật T, chị Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả thẩm phán, HĐXX và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ và vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 335, 342, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả bà Ngô Thúy T số tiền 255.000.000 đồng và tiền lãi suất trên phần nợ gốc 255.000.000 đồng chưa trả theo quy định pháp luật. Trường hợp chị L không trả được thì anh Nguyễn Nhật T, chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả bà T số tiền trên. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất của số tiền 1.180.000.000đồng tính từ ngày 18/01/2020 là 94.900.000đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo nội dung vụ án, căn cứ vào giấy vay tiền giữa bà Ngô Thúy T và chị Nguyễn Thị L xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 18/11/2020 và ngày 22/11/2020, đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

- *Về thẩm quyền*: Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai của các đương sự, xác định thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L có địa chỉ ở phường T, thành phố B, tỉnh B. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, quan hệ pháp luật tranh chấp ở đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự có cơ hội thỏa thuận giải quyết vụ án, tìm phương án phù hợp giải quyết. Do các bên không thỏa thuận được nên Tòa án phải tiến hành theo thủ tục chung đưa vụ vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở giấy vay tiền giữa chị Nguyễn Thị L và Bà Ngô Thúy T, xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 1.180.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 18/11/2020 bà T cho chị L vay 500.000.000 đồng, mục đích mua đất, xây nhà và sửa chữa nội thất. Khi cho vay, bà T có yêu cầu chị L viết giấy nhận vay tiền, thời hạn từ 18/11/2020 đến 18/01/2021. Hai bên không thỏa thuận lãi suất cho vay. Ngày 22/11/2020 bà T cho chị L vay 680.000.000 đồng, hai bên viết giấy nhận vay tiền, thời hạn vay từ 22/11/2020 đến 22/01/2021, không thỏa thuận lãi suất cho vay. Trong các "giấy nhận vay tiền" đều có chữ ký và cam kết của vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Nguyễn Thị L (chị là chị ruột của chị L) với tư cách là bên bảo lãnh cho chị L. Anh T, chị L cam kết nếu chị L không trả được số tiền vay nợ thì anh T, chị L sẽ có trách nhiệm trả thay chị L. Hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải tuân thủ. Hết thời hạn hợp đồng chị L không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Anh T, chị L cùng ký giấy vay tiền, cam kết nếu chị L không trả được sẽ trả thay. Do vậy, nếu chị L không trả được thì anh T, chị L có trách nhiệm trả tiền bà T thay chị L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã thanh toán được cho bà T 925.000.000 đồng qua việc trả hàng quy ra thành tiền cho chị Đỗ Thị T, hiện còn nợ 255.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả được.

Xét quan hệ vay nợ giữa bà Ngô Thúy T và chị Nguyễn Thị L là giao dịch dân sự tự nguyện, các đương sự tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản

2 Điều 470 Bộ luật dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa bà T và chị L được thể hiện dưới hình thức hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 255.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 1.180.000.000đồng tính từ ngày 18/11/2020 theo lãi suất 7,5%/năm.

Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn thì thấy: Do khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất cho vay, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 7,5%/năm. Xét thấy mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, do vậy cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.180.000.000 đồng tính từ ngày 18/11/2020 của nguyên đơn thì thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã trả được nguyên đơn số tiền 925.000.000 đồng thông qua bà Đỗ Thị T, các đương sự cùng thống nhất số tiền chị L còn nợ bà T là 255.000.000 đồng. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.180.000.000 đồng của nguyên đơn, chỉ chấp nhận tính tiền lãi của số tiền còn nợ 255.000.000 đồng tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ 23/01/2021 tính đến ngày xét xử là 11 tháng 7 ngày. Cụ thể tiền lãi suất của số tiền 255.000.000đồng được tính như sau: $7,5\%/năm = 0,625\%/tháng = 0,0208\%/ngày$.

Tiền lãi = $255.000.000\text{đồng} \times 0,625\%/tháng \times 11\text{ tháng} + 0,0208\%/ngày \times 7\text{ ngày} = 17.902.500\text{đồng}$. Tổng cả gốc và lãi là 272.902.500đồng. Do vậy buộc chị Nguyễn Thị Lý phải trả bà Ngô Thúy Tình số tiền nợ gốc là 255.000.000đồng, tiền lãi là 17.906.000đồng, tổng cả gốc và lãi là 272.902.500đồng (*Mười bảy triệu chín trăm linh hai nghìn năm trăm đồng*). Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Nhật T với tư cách người bảo lãnh, trường hợp chị L không trả được nợ thì anh Nguyễn Nhật T, chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả bà T số tiền trên.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số tiền 1.180.000.000đồng tính từ ngày 18/01/2020 là 94.900.000đồng

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 280, 342, 355, 357, 429, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26; 35, 39; 147, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thúy T.

1. Buộc chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thúy T số tiền nợ gốc 255.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng*), và tiền lãi tính từ ngày 23/01/2021 đến ngày xét xử (30/12/2021) là 17.902.500đồng (*Mười bảy triệu chín*

trăm linh hai nghìn năm trăm đồng), tổng tiền nợ gốc và tiền lãi là 272.902.500đồng. Trường hợp chị L không trả được thì anh Nguyễn Nhật T, chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả bà T số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 13.645.000đồng (*Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thúy Tình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Ngô Thuý T (do chị Nguyễn Thị H nộp thay) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.700.000đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2019/0000986, ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu H